

SỐ CÔNG NGHỆ 1000/TỈNH TUYÊN QUANG
DẪN SỐ: 02.....
Ngày: 09.11.2015

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

Số: 19/2015/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 23 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định mức trần thù lao công chứng và chi phí đánh máy, sao chụp (photocopy) tài liệu công chứng, chứng thực trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;

Căn cứ Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 132/TTr-STP ngày 14 tháng 12 năm 2015 về việc ban hành Quy định mức trần thù lao công chứng và chi phí đánh máy, sao chụp (photocopy) tài liệu công chứng, chứng thực trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức trần thù lao công chứng và chi phí đánh máy, sao chụp (photocopy) tài liệu công chứng, chứng thực trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, như sau:

| TT | NỘI DUNG CÔNG VIỆC | MỨC THU (Tối đa) | ĐỐI TƯỢNG NỢP | CƠ QUAN, TỔ CHỨC THU |
|----|---|---------------------------|--------------------------------------|--|
| I | THÙ LAO CÔNG CHỨNG | đồng/ trường hợp | | |
| 1 | Hợp đồng kinh tế, thương mại, đầu tư, kinh doanh | 200.000 | Người yêu cầu công chứng | Tổ chức hành nghề công chứng |
| | Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, cho thuê lại, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất | | | |
| | Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp | | | |
| | Hợp đồng mượn tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất | | | |
| | Hợp đồng mua bán, chuyển nhượng hợp đồng mua bán, cho thuê, cho thuê mua, tặng cho, đổi, thế chấp, góp vốn, cho mượn nhà ở | | | |
| 2 | Hợp đồng mua bán, tặng cho tài sản khác, góp vốn bằng tài sản khác | 150.000 | Người yêu cầu công chứng | Tổ chức hành nghề công chứng |
| | Hợp đồng vay tiền | | | |
| | Văn bản thoả thuận phân chia di sản | | | |
| | Văn bản khai nhận di sản | | | |
| 3 | Văn bản từ chối nhận di sản | 50.000 | Người yêu cầu công chứng | Tổ chức hành nghề công chứng |
| | Giấy ủy quyền | | | |
| 4 | Hợp đồng, giao dịch khác | 100.000 | Người yêu cầu công chứng | Tổ chức hành nghề công chứng |
| II | CHI PHÍ ĐÁNH MÁY, SAO CHỤP (PHOTOCOPY) TÀI LIỆU CÔNG CHỨNG, CHỨNG THỰC | | | |
| 1 | Đánh máy giấy tờ, văn bản <i>(không thu đối với trường hợp đã thu thù lao soạn thảo hợp đồng, giao dịch tại mục I)</i> | đồng/trang A4 5.000 | Người yêu cầu công chứng, chứng thực | Các tổ chức hành nghề công chứng; Phòng Tư pháp cấp huyện; UBND cấp xã |
| 2 | Sao chụp (photocopy): | đồng/trang | | |
| | - Trang A4 | 500 | | |
| | - Trang A3 | 1.000 | | |

Điều 2. Căn cứ mức trần thù lao công chứng và chi phí đánh máy, sao chụp (photocopy) tài liệu công chứng, chứng thực quy định tại Điều 1 Quyết định này, các tổ chức hành nghề công chứng; Phòng Tư pháp các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm:

1. Xác định mức thù lao và chi phí cụ thể đối với từng loại việc nhưng không vượt quá mức tối đa quy định tại Điều 1 Quyết định này và niêm yết công khai tại trụ sở của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Giải thích rõ cho người có yêu cầu công chứng, chứng thực về thù lao công chứng và chi phí đánh máy, sao chụp (photocopy) tài liệu công chứng, chứng thực. Các mức thu được quy định tại Điều 1 Quyết định này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có), không bao gồm phí công chứng, lệ phí chứng thực theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng thù lao công chứng, chi phí đánh máy, sao chụp (photocopy) tài liệu công chứng, chứng thực được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

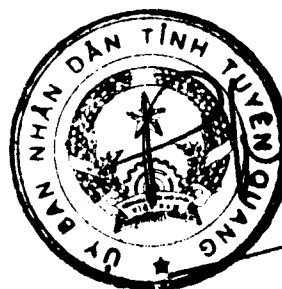
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2016.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Phòng Tư pháp huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; các tổ chức hành nghề công chứng và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Văn phòng Chính phủ;
 - Bộ Tư pháp;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
 - Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
 - UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
 - HĐND, UBND cấp huyện;
 - Như Điều 3 (thực hiện);
 - Báo TQ, Đài PTTH tỉnh;
 - Công thông tin điện tử tỉnh;
 - CVP, các PCVP UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, NC (P.Hà).
- báo cáo

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**





Phạm Minh Huân